

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG VỤ ĐỐI VỚI UBND CÁC HUYỆN,
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

(Ban hành kèm theo Công văn số /STP-VP ngày tháng 4 năm 2022 của Sở Tư pháp)

| STT | LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ | TỔNG ĐIỂM | GHI CHÚ |
|------------|--|------------|---------|
| I | CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL | 100 | |
| 1 | Công tác xây dựng văn bản QPPL | 40 | |
| 1.1 | Văn bản QPPL được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung | 20 | |
| | Từ 95% đến 100% văn bản | 20 | |
| | Từ 90% đến dưới 95% văn bản | 15 | |
| | Từ 80% đến dưới 90% văn bản | 10 | |
| | Dưới 80% | 0 | |
| 1.2 | Thực hiện quy trình xây dựng văn bản | 20 | |
| | 100% văn bản QPPL được xây dựng đúng quy trình | 20 | |
| | Có văn bản QPPL được xây dựng không đúng quy trình | 0 | |
| 1.3 | Trường hợp đơn vị không được giao tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 40 | |
| 2 | Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | 40 | |
| 2.1 | Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | 20 | |
| | Ban hành và thực hiện kịp thời | 20 | |

| | | | |
|------------|--|------------|--|
| | Ban hành trễ | 10 | |
| | Không ban hành | 0 | |
| 2.2 | Báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng/năm, báo cáo chuyên đề công tác văn bản | 20 | |
| | Báo cáo đúng hạn, đầy đủ nội dung về Sở Tư pháp | 20 | |
| | Báo cáo trễ hạn | 10 | |
| | Không báo cáo | 0 | |
| 3 | Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | 20 | |
| | Công bố đúng hạn | 20 | |
| | Công bố trễ hạn | 10 | |
| | Không công bố | 0 | |
| | <i>Trường hợp không có văn bản thuộc trường hợp phải công bố</i> | 20 | |
| | <i>+ Có văn bản báo cáo về Sở Tư pháp</i> | 20 | |
| | <i>+ Không có văn bản báo cáo về Sở Tư pháp</i> | 0 | |
| II | CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT | 100 | |
| 1 | Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm | 20 | |
| | Ban hành đúng thời hạn (trước ngày được xác định trong Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm của Chủ tịch UBND tỉnh) | 20 | |
| | Ban hành không đúng thời hạn | 10 | |
| | Không ban hành | 0 | |
| 2 | Triển khai thực hiện kế hoạch đã xây dựng và có báo cáo kết quả triển khai | 40 | |
| 2.1 | Mức độ hoàn thành kế hoạch đã đề ra (Có sản phẩm cụ thể, thể hiện rõ trong báo cáo, triển khai đầy đủ và hiệu quả các nhiệm vụ theo các Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật) | 20 | |
| | Đạt 100% nội dung kế hoạch đề ra | 20 | |

| | | | |
|----------------|--|-----------|--|
| | Đạt từ 80% nội dung kế hoạch đề ra đến dưới 100% | 10 | |
| | Đạt dưới 80% nội dung kế hoạch đề ra đến trên 50% | 5 | |
| | Đạt dưới 50% nội dung kế hoạch đề ra | 0 | |
| 2.2 | Thực hiện thông tin, báo cáo | 20 | |
| 2.2.1 | Thời gian báo cáo (Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và Báo cáo thống kê theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP) | 10 | |
| 2.2.1.1 | Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật | 05 | |
| | Báo cáo đúng thời hạn (Báo cáo 6 tháng trước ngày 10/6; báo cáo năm trước ngày 12/11 hàng năm) | 05 | |
| | Báo cáo trễ hạn | 03 | |
| | Không báo cáo | 0 | |
| 2.2.1.2 | Báo cáo thống kê theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP | 05 | |
| | Báo cáo đúng thời hạn (Báo cáo 6 tháng trước ngày 16/6; báo cáo năm trước ngày 18/11, đối với báo cáo thống kê năm chính thức của năm trước năm đánh giá, báo cáo trước ngày 31/01 của năm đánh giá) | 05 | |
| 2.2.2 | Chất lượng của báo cáo (Gồm báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật định kỳ và báo cáo thống kê theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP) | 10 | |
| | Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp (Đối với báo cáo thành văn trong đó phải có kết quả cụ thể các hoạt động, có nhận xét, đánh giá và phương hướng, nhiệm vụ) | 10 | |
| | Báo cáo không đầy đủ nội dung | 05 | |
| 3 | Thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật | 30 | |
| 3.1 | Đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở | 10 | |
| | Chỉ đạo việc đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở | 05 | |
| | Có văn bản chỉ đạo | 05 | |
| | Không có văn bản | 0 | |
| | Việc đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở của cấp xã | 05 | |

| | | | |
|------------|--|------------|--|
| | 100% đơn vị cấp xã thực hiện chi thù lao vụ việc hòa giải và hỗ trợ hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định | 05 | |
| | Từ 50% đến dưới 100% đơn vị cấp xã thực hiện chi thù lao vụ việc hòa giải và hỗ trợ hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định | 03 | |
| | Dưới 50% đơn vị cấp xã thực hiện chi thù lao vụ việc hòa giải và hỗ trợ hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định | 0 | |
| 3.2 | Tỷ lệ số vụ việc hòa giải thành | 10 | |
| | Đạt từ 80% trở lên | 10 | |
| | Đạt từ 70% đến dưới 80% | 5 | |
| | Đạt từ 50% đến dưới 70% | 3 | |
| | Đạt dưới 50% | 0 | |
| 3.3 | Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định hàng năm | 10 | |
| | Có văn bản | 10 | |
| | Không có văn bản | 0 | |
| 4 | Có mô hình PBGDPL hiệu quả, tạo được sức lan tỏa rộng lớn | 10 | |
| | Có mô hình hiệu quả và có trên 50% xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện | 10 | |
| | Có mô hình hiệu quả và có dưới 50% xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện | 5 | |
| | Không có mô hình | 0 | |
| III | CÔNG TÁC THAM MƯU THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT, THI HÀNH PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH | 100 | |
| 1 | Công tác Theo dõi tình hình thi hành pháp luật | 50 | |
| 1.1 | Tham mưu ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm | 10 | |
| | <i>Đúng thời hạn theo Kế hoạch của UBND tỉnh</i> | 10 | |
| | <i>Không đúng thời hạn</i> | 5 | |

| | | | |
|------------|--|-----------|--|
| | <i>Không ban hành</i> | 0 | |
| 1.2 | Tham mưu điều tra, khảo sát về theo dõi tình hình thi hành pháp luật | 5 | |
| | <i>Tổ chức điều tra khảo sát trong lĩnh vực trọng tâm hàng năm hoặc trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.</i> | 5 | |
| | <i>Không tổ chức điều tra khảo sát</i> | 0 | |
| 1.3 | Thu thập và xử lý thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền | 10 | |
| | <i>Thu thập và xử lý thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i> | 5 | |
| | <i>Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền.</i> | 5 | |
| 1.4 | Tham mưu kiểm tra tình hình theo dõi thi hành pháp luật | 5 | |
| | <i>Tổ chức kiểm tra</i> | 5 | |
| | <i>Không tổ chức kiểm tra</i> | 0 | |
| 1.5 | Tham mưu phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật | 10 | |
| | <i>Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i> | 10 | |
| | <i>Không phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i> | 0 | |
| 1.6 | Tham mưu Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Báo cáo năm). | 10 | |
| | <i>Ban hành báo cáo đúng thời hạn (trước ngày 05/12)</i> | 10 | |
| | <i>Ban hành báo cáo không đúng thời hạn (sau ngày 05/12)</i> | 5 | |
| | <i>Không có báo cáo</i> | 0 | |
| 2 | Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính | 50 | |
| 2.1 | Tham mưu ban hành Kế hoạch quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính | 10 | |
| | <i>Đúng thời hạn theo Kế hoạch của UBND tỉnh</i> | 10 | |
| | <i>Không đúng thời hạn</i> | 5 | |

| | | | |
|------------|---|-----------|--|
| | <i>Không ban hành</i> | 0 | |
| 2.2 | Tham mưu kiểm tra về công tác xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm | 5 | |
| | <i>Tổ chức kiểm tra về công tác xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm hoặc theo chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.</i> | 5 | |
| | <i>Không tổ chức kiểm tra</i> | 0 | |
| 2.3 | Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền | 5 | |
| | <i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật đúng thời hạn</i> | 5 | |
| | <i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời hạn</i> | 3 | |
| | <i>Không thực hiện</i> | 0 | |
| 2.4 | Tham mưu phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính | 10 | |
| | <i>Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ</i> | 10 | |
| | <i>Hướng dẫn nghiệp vụ</i> | 5 | |
| | <i>Không phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i> | 0 | |
| 2.5 | Tham mưu UBND cùng cấp báo cáo kết quả xử lý vi phạm hành chính của năm trước liền kề | 10 | |
| | <i>Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 05/01 của năm đánh giá công vụ và có số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định)</i> | 10 | |
| | <i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 06/01 của năm đánh giá công vụ) hoặc số liệu không đầy đủ, không chính xác theo quy định</i> | 5 | |
| | <i>Không có báo cáo</i> | 0 | |
| 2.6 | Thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc được giao tổ chức thực hiện | 10 | |
| | <i>Thi hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính</i> | 10 | |
| | <i>Thi hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ 80% đến dưới 100%</i> | 8 | |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | <i>Thi hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ 50% đến dưới 80%</i> | 5 | |
| | <i>Thi hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính dưới 50%</i> | 1 | |
| | <i>Không thi hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính</i> | 0 | |